

Số: 220/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 10 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quyết định biên chế công chức trong các cơ quan của
Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện năm 2025
trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính
trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ
Chính trị về biên chế các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị -
xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung
ương giai đoạn 2022 – 2026;

Căn cứ Quyết định số 3203-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024
của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Điện Biên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 5549-QĐ/TU ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ban
Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan HĐND,
UBND cấp tỉnh, cấp huyện năm 2025;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 5242/TTr-UBND ngày
22 tháng 11 năm 2024 về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết
quyết định biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban
nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện năm 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm
tra số 107/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng
nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện năm 2025 trên địa bàn tỉnh là

2.007 biên chế (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XV kỳ họp thứ Mười bảy thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đại biểu QH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐ Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lò Văn Phương

**QUYẾT ĐỊNH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN CỦA HĐND, UBND
CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: 220/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên)

| STT | Cơ quan, tổ chức | Giao năm 2025 | Ghi chú |
|----------|--------------------------------------|---------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| | TỔNG CỘNG (I+II) | 2.007 | |
| I | CẤP TỈNH | 1.117 | |
| 1 | Ban Dân tộc tỉnh | 20 | |
| 2 | Sở Ngoại vụ | 23 | |
| 3 | Sở Thông tin và Truyền thông | 26 | |
| 4 | Thanh tra tỉnh | 28 | |
| 5 | Sở Tư Pháp | 27 | |
| 6 | Sở Khoa học và Công nghệ | 28 | |
| 7 | Sở Xây dựng | 36 | |
| 8 | Sở Công Thương | 38 | |
| 9 | Văn phòng Đoàn đại biểu QH&HDND tỉnh | 39 | Trong đó: - Thường trực HĐND và các Ban HĐND hoạt động chuyên trách: 10 biên chế - Công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH&HDND tỉnh: 29 biên chế. |
| 10 | Sở Tài nguyên và Môi trường | 41 | |
| 11 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 44 | |
| 12 | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | 44 | |
| 13 | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | 47 | |
| 14 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 47 | |

| STT | Cơ quan, tổ chức | Giao năm 2025 | Ghi chú |
|------------|--|----------------------|----------------|
| 15 | Văn phòng UBND tỉnh | 57 | |
| 16 | Sở Giao thông Vận tải | 56 | |
| 17 | Sở Y tế | 58 | |
| 18 | Sở Tài chính | 62 | |
| 19 | Sở Nội vụ | 66 | |
| 20 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 330 | |
| II | UBND CẤP HUYỆN | 890 | |
| 1 | Thị xã Mường Lay | 68 | |
| 2 | Huyện Mường Ảng | 83 | |
| 3 | Huyện Điện Biên | 95 | |
| 4 | Huyện Điện Biên Đông | 94 | |
| 5 | Huyện Mường Chà | 92 | |
| 6 | Huyện Mường Nhé | 94 | |
| 7 | Huyện Nậm Pồ | 83 | |
| 8 | Huyện Tủa Chùa | 92 | |
| 9 | Huyện Tuần Giáo | 93 | |
| 10 | Thành phố Điện Biên Phủ | 96 | |